

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 09/5/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng điều chỉnh, mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn tại thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn;

Căn cứ Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 27/11/2007 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Đồn;

Căn cứ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn và Bệnh viện Đa khoa huyện Vân Đồn;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 3046/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở nâng công suất Bệnh viện Đa khoa Vân Đồn tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh của Bệnh viện Đa khoa huyện Vân Đồn; số 959/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 Điều chỉnh, thay đổi một số nội dung trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của cơ sở nâng công suất Bệnh viện đa khoa Vân Đồn (nay là Trung tâm y tế huyện Vân Đồn) tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh của

Trung tâm y tế huyện Vân Đồn, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 15/12/2014;

Xét các văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm y tế huyện Vân Đồn số 227/TTYT-KSNK ngày 11/4/2025, số 394/TTYT-KSNK ngày 10/6/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 258/TTr-SNN&MT ngày 16/6/2025 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm y tế huyện Vân Đồn, địa chỉ tại Thôn 12, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở nâng công suất Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nâng công suất Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 12, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh (cấp lại lần 1) số 1361/QNI-GPHĐ ngày 18/6/2024 của Sở Y tế.

1.4. Mã số thuế: 5701813940.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích của Dự án: 29.520,3m².

- Cơ sở có tiêu chí về tương đương dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công năm 2024).

- Cơ sở tương đương dự án nhóm III theo quy định tại số thứ tự 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: 230 giường bệnh.

(Chi tiết thể hiện tại Quyết định phê duyệt dự án và quy hoạch chi tiết xây dựng dự án được các cơ quan có liên quan phê duyệt theo thẩm quyền).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về

bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm y tế huyện Vân Đồn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm y tế huyện Vân Đồn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Vân Đồn, UBND cấp xã có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Vân Đồn, UBND cấp xã có liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày giấy phép này được ký ban hành đến hết ngày 23/6/2035), nhưng không vượt thời hạn hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Giấy phép này chỉ thực hiện cấp cho phép đơn vị được xả các chất thải (như: nước thải, tiếng ồn, độ rung...) trong quá trình hoạt động của cơ sở đã được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành ra ngoài môi trường; không xác nhận, điều chỉnh, thay đổi các nội dung trong chủ trương đầu tư và quy hoạch dự án do cơ quan có liên quan phê duyệt theo thẩm quyền. Chủ đầu

tư cơ sở triển khai thực hiện các hoạt động tại cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Vân Đồn, UBND cấp xã có liên quan và các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

- UBND huyện Vân Đồn, UBND cấp xã có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc giám sát quá trình hoạt động dự án đảm bảo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Vân Đồn; Chủ tịch UBND cấp xã có liên quan; Giám đốc Trung tâm y tế huyện Vân Đồn và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Các Sở, ngành: Y tế, KHCN, BQLKKTQN;
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công TTĐT Sở NN&MT (đăng tải);
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 161

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nghiêm Xuân Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2158 /GPMT-UBND ngày 23./6./2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen từ xí tiêu, bồn cầu) phát sinh từ các khu nhà vệ sinh tại tòa nhà khám bệnh + mổ + hồi sức cấp cứu (tòa nhà A); nhà hành chính - quản trị (tòa nhà B); nhà điều trị bệnh nhân các khoa (tòa nhà C); nhà khám bệnh tự chọn (tòa nhà D); khoa dược (tòa nhà E); khoa truyền nhiễm (tòa nhà F); khoa đông y – phục hồi chức năng (tòa nhà G); khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (tòa nhà H); nhà đại thể (tòa nhà I); khoa dinh dưỡng (tòa nhà Đ); nhà kho (tòa nhà K).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám từ các công trình phẫu thuật, chậu rửa, thoát sàn) từ các khu nhà vệ sinh tại tòa nhà khám bệnh + mổ + hồi sức cấp cứu (tòa nhà A); nhà hành chính - quản trị (tòa nhà B); nhà điều trị bệnh nhân các khoa (tòa nhà C); nhà khám bệnh tự chọn (tòa nhà D); khoa dược (tòa nhà E); khoa truyền nhiễm (tòa nhà F); khoa đông y – phục hồi chức năng (tòa nhà G); khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (tòa nhà H); nhà đại thể (tòa nhà I); Khoa dinh dưỡng (tòa nhà Đ); nhà kho (tòa nhà K).

- Nguồn số 03: Nước thải nấu ăn phát sinh từ nhà ăn thuộc khoa dinh dưỡng (tòa nhà Đ).

- Nguồn số 04: Nước thải giặt là tại khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (tòa nhà H).

- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình lọc nước thô tại khu bể nước sạch + trạm bơm.

- Nguồn số 06: Nước rỉ rác từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

- Nguồn số 07: Nước thải y tế phát sinh từ phòng mổ, các phòng thủ thuật, phòng xét nghiệm, phòng xử lý dụng cụ y tế tại tòa nhà khám bệnh + mổ + hồi sức cấp cứu (tòa nhà A) thuộc khu nhà khám bệnh và điều trị.

- Nguồn số 08: Nước thải y tế từ phòng thủ thuật, phòng xử lý dụng cụ y tế tại nhà điều trị bệnh nhân các khoa (tòa nhà C) thuộc khu nhà khám bệnh và điều trị.

- Nguồn số 09: Nước thải y tế từ phòng xử lý dụng cụ y tế tại khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (tòa nhà H).

- Nguồn số 10: Nước thải từ quá trình xử lý nước RO tại khu xử lý nước RO (tòa nhà T).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Biển ven bờ tại địa phận tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực, sát tường rào phía Tây Nam cơ sở tại thôn 12, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh sau đó tự chảy ra suối Mất Ròng và chảy ra biển ven bờ tại địa phận tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2331148; Y = 466091 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải y tế công suất $150\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ được bơm theo đường ống PVC D90 dài khoảng 20m, xả ngầm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực, sát tường rào phía Tây Nam cơ sở tại thôn 12, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh sau đó tự chảy ra suối Mất Ròng và chảy ra biển ven bờ tại địa phận tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (K=1,2), đối với các thông số: pH, Tổng Coliform, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera trong nước y tế, sử dụng hệ số K = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	VK/100ml	KPH		

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)
12	Shigella	VK/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì cơ sở thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

Khuyến khích chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải nhằm kịp thời theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của mình.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) của Cơ sở:

- Nguồn số 01 → bể tự hoại 3 ngăn → ống PVC D900 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02 → ống PVC D90 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 03 → bể tách dầu mỡ → đường ống uPVC D90 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 04 → đường ống uPVC D60 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 05 → đường ống uPVC D60 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 06 → đường ống uPVC D60 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 07 → đường ống PVC D90 → hố ga thu nước thải → hệ

thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 08 → đường ống PVC D90 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 09 → đường ống PVC D90 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 10 → đường ống PVC D90 → hố ga thu nước thải → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn: Số lượng 15 bể.

- Vị trí, công suất: 15 bể bê tông cốt thép đặt ngầm tại các vị trí: Tòa nhà A (02 bể); tòa nhà C (03 bể); tòa nhà D (02 bể); tòa nhà Đ (01 bể); tòa nhà B (02 bể); tòa nhà F (02 bể); tòa nhà H (01 bể); tòa nhà G (01 bể); tòa nhà K (01 bể). Dung tích các bể từ 15- 30m³/bể.

- Quy trình vận hành: Nước thải xí tiêu, bồn cầu → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → ngăn lắng 1 (lên men kỵ khí) → ngăn lắng 2 (lắng làm sạch, loại bỏ chất rắn lơ lửng) → Hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học định kỳ 3 tháng/lần (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Vị trí, công suất: 01 bể, đặt ngầm bên ngoài nhà ăn, dung tích 20 m³.

- Quy trình vận hành: Nước thải → song chắn rác → ngăn tách dầu → ngăn lắng 01 → ngăn lắng 02 → ngăn lắng 03 → hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Không có.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm

- Vị trí: Xây chìm tại khu đất phía Tây Nam cơ sở.

- Công suất: 150m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý AAO.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Song chắn rác → bể điều hòa lưu lượng → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lọc sinh học → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B 25% (khoảng 4-6g/m³), Etanol

96% (khoảng 1g/m^3), NaOH (khoảng $3,6\text{g/m}^3$) (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành Trạm XLNT theo đúng quy trình kỹ thuật đã được duyệt, đảm bảo quy trình vận hành các khâu đúng kỹ thuật, đảm bảo định mức hóa chất, chỉ được tiếp nhận lưu lượng nước thải phù hợp với công suất thiết kế của trạm.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình vận hành của máy móc, thiết bị trong hệ thống và định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; Dự phòng các máy móc, thiết bị chính để kịp thời thay thế trường hợp xảy ra sự cố. Trong trường hợp sự cố kéo dài và vượt quá khả năng lưu chứa của các bể và module sẵn có thì ưu tiên tiếp tục lưu chứa nước thải chưa xử lý vào các thiết bị rời trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý nước thải theo quy định, tối đa sau 36 giờ không khắc phục được thì chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý nước thải y tế.

- Lập và thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải. Thường xuyên tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về quy trình vận hành, phòng ngừa ứng phó sự cố các hệ thống xử lý nước thải, đặc biệt trong mùa mưa, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường ít nhất 02 năm một lần.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường trong trường hợp trạm xảy ra sự cố, chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6. Phần A Phụ lục này trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải ra môi trường có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu

và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Phải gắn biển báo tại điểm xả nước thải (phải có tọa độ, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Trung tâm y tế huyện Vân Đồn có trách nhiệm lập Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải bao gồm đầy đủ các quy trình ứng phó sự cố môi trường theo nội dung đã nêu cụ thể tại hồ sơ đề xuất cấp GPMT trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận vận hành.

- Có biện pháp tiêu thoát nước trong khu vực đảm bảo không ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải trong mùa mưa lũ.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải; ghi nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, khối lượng bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt, đóng quyển, có số trang theo thứ tự và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các trạm/hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2158/GPMT-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Hoạt động của các thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150m³/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X= 2331120; Y = 466265.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X= 2331208; Y = 466215.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107⁰45' múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 26:2025/BTNMT		
Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)	Từ 6h đến trước 18h (dBA)	Từ 18h đến trước 22h (dBA)	Từ 22h đến trước 6h (dBA)
55	45	50	45	40
Khu vực đặc biệt		Khu vực A		

3.2. Độ rung:

QCVN 27:2010/BTNMT		QCVN 27:2025/BTNMT	
Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)	Từ 6h đến trước 22h (dBA)	Từ 22h đến trước 6h (dBA)
60	55	60	55
Khu vực đặc biệt		Khu vực A	

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng cách xa khu khám chữa bệnh. Máy phát điện và máy bơm của hệ thống xử lý nước thải được đặt trong nhà bao che để giảm độ ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện, thiết bị hệ thống xử lý nước thải, vận hành theo hướng dẫn sử dụng.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, kịp thời thay thế khi thiết bị bị hỏng hóc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2158/GPMT-UBND ngày 23/6/2025
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn nguy hại phát sinh:

STT	Tên / Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)		
				TTYT Vân Đồn	Trạm y tế	Tổng
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	15.121,5	365,5	15.487
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	10,4	3,0	13,4
3	Mực in (có các thành phần nguy hại) thải	08 02 01	Lỏng	1,8	1,0	2,8
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	13 03 02	Rắn	0,5	0,5	1,0
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	2,0	2,0	4,0
6	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	1,0	1,0	2,0
7	Dầu thải	15 01 07	Lỏng	2,0	2,0	4,0
	Tổng					15.514,2

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường:

1.2.1. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường tái chế:

STT	Tên chất thải	Yêu cầu	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
I	Chất thải là vật liệu giấy		600
1	Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật	600

STT	Tên chất thải	Yêu cầu	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
		gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại	
II	Chất thải là vật liệu nhựa		2015
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh	505
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	Không thải ra từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B	480
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	Không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh, không chứa yếu tố nguy hại	1.100
III	Chất thải là vật liệu kim loại		500
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	Không thải ra từ khu vực điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B	500
IV	Chất thải là vật liệu thủy tinh		2.500
1	Các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ	Không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh	2.500
Tổng			5.615

1.2.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường không tái chế:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến(kg/năm)
1	Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải, bùn từ bể tự hoại	12 06 13	682
2	Hóa chất, dược phẩm hết hạn sử dụng thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	13 01 07	20
3	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.	13 01 05	1.214
4	Vỏ bao bì đựng hóa chất của trạm xử lý nước thải (đựng viên khử trùng TCCA) không chứa thành phần nguy hại	15 01 09	20

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến(kg/năm)
1	Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải, bùn từ bể tự hoại	12 06 13	682
2	Hóa chất, dược phẩm hết hạn sử dụng thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	13 01 07	20
3	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.	13 01 05	1.214
4	Vỏ bao bì đựng hóa chất của trạm xử lý nước thải (đựng viên khử trùng TCCA) không chứa thành phần nguy hại	15 01 09	20
Tổng			1.936

1.3. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: Khoảng 45,6 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên / Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/lỏng	80
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (Vỏ bao bì đựng NaOH)	18 01 01	Rắn	25
3	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit) (Vỏ bao bì chứa cồn công nghiệp)	18 01 04	Rắn	20
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	10
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	20
Tổng				155

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho chất thải nguy hại lây nhiễm: Diện tích 15m², bên trong kho có đặt 5 tủ bảo ôn dung tích 500 lít/tủ.

- Kho chất thải nguy hại không lây nhiễm: Diện tích 3,5m².

2.2. Hệ thống công trình lưu giữ chất thải thông thường:

- Kho lưu giữ chất thải tái chế: Diện tích 33m².

- Kho lưu giữ chất thải rắn thông thường không tái chế và rác thải sinh hoạt: Khu vực lưu chứa diện tích 30m².

- Bùn thải được lưu giữ tại các bể phốt và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại Dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát; phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2158./GPMT-UBND ngày 23../6./2025
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và kiểm soát chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm y tế theo đúng quy định.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả tái sử dụng; Quản lý thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế, chất thải rắn nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

- Vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý nước thải để thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt, nước thải y tế phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm y tế đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Chỉ được phép xả nước thải sau xử lý với lưu lượng tối đa 150m³/ngày đêm.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành của Cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực Cơ sở. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt

động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Hạ Long, Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn để được hướng dẫn giải quyết.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.